

Phòng GD&ĐT quận Bình Thạnh
Trường Mầm non 11B

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Ngày 26 tháng 04 năm 2025

STT	Diễn giải	Tổng cộng			
		Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
	Hôm trước chuyển sang				104,613
	Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày		37,000	198	7,326,000
	Được chi trong ngày				7,430,613
	Đã chi trong ngày				7,273,108
	1. Dịch vụ				217,800
1	Gas sáng		0	198	0
2	Gas trưa		1,100	198	217,800
	2. Kho				1,116,000
	Ăn chính				1,116,000
1	sữa meta care từ 1-6 tuổi	Kg	279,000	4	1,116,000
	3. Đi chợ				5,939,308
	Ăn chính				5,939,308
1	Hủ tíu	Kg	20,520	6	123,120
2	Cải cúc (tân ô)	Kg	57,750	1.5	86,625
3	Cần ta	Kg	63,000	0.3	18,900
4	Hành lá (hành hoa)	Kg	78,750	0.2	15,750
5	Hành tây	Kg	36,750	1	36,750
6	Tỏi	Kg	78,750	0.2	15,750
7	Chuối cau	Kg	47,250	10	472,500
8	Thịt nạc	Kg	199,500	1.5	299,250
9	Mực tươi	Kg	488,250	2.5	1,220,625
10	Trứng cút	Hộp	39,900	7	279,300
11	Đường kính	Kg	38,850	2	77,700
12	Tôm sú	Kg	378,000	4.5	1,701,000
13	Muối iốt	Gói	5,500	1	5,500
14	Nấm kim châm	Gói	18,900	1	18,900
15	Bánh su kem	Cái	6,300	187	1,178,100
16	Dầu ăn Tường An 1L	Lít	66,960	1	66,960
17	Nước mắm Hồng Hạnh	Chai	78,840	1	78,840
18	Mía	Kg	31,500	5	157,500
19	Sữa Vinamilk trường học 100ml	Hộp	7,776	3	23,328
20	Viên gia vị hủ tiêu nam vang Việt Hương	Hộp	8,640	4	34,560
21	Củ hành tím	Kg	68,250	0.2	13,650
22	Rau ngò	Kg	147,000	0.1	14,700
	Chi kho lũy kể từ đầu tháng				8,782,000
	Chi chợ lũy kể từ đầu tháng				167,572,395
	Suất ăn lũy kể từ đầu tháng			4,911	
	Tiêu chuẩn lũy kể từ đầu tháng				181,707,000
	Đã chi lũy kể từ đầu tháng				181,549,495
	Chênh lệch cuối ngày				157,505

Kế toán

Lương Thị Thân Thương

Phó hiệu trưởng

Nguyễn Thị Diệp Thúy